

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 22 tháng 5 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP QUỐC GIA

I. Thông tin chung về nhiệm vụ:

1. Tên nhiệm vụ, mã số: Nghiên cứu quản lý nghề cá biển dựa trên tiếp cận hệ sinh thái. Mã số: ĐTDL.CN-54/15

Thuộc:

- Chương trình (*tên, mã số chương trình*): Đề tài độc lập cấp Quốc gia

- Khác (*ghi cụ thể*):

2. Mục tiêu nhiệm vụ:

- Mục tiêu chung

Xây dựng cơ sở khoa học và thực tiễn phục vụ quản lý nghề cá dựa vào hệ sinh thái; đề xuất các giải pháp quản lý nghề cá bền vững ở biển Việt Nam

- Mục tiêu cụ thể

+ Xây dựng được bộ tiêu chí phân loại vùng biển theo chức năng hệ sinh thái

+ Xây dựng được sơ đồ phân bố các vùng biển theo hệ sinh thái phục vụ quản lý nghề cá và sơ đồ phân vùng quản lý nghề cá dựa vào hệ sinh thái

+ Đề xuất được nguyên tắc, phương thức khai thác ở các vùng sinh thái và giải pháp, kiến nghị điều chỉnh chính sách trong quản lý nghề cá biển.

3. Chủ nhiệm nhiệm vụ: Vũ Việt Hà

Ngày, tháng, năm sinh: 21/02/1977

Giới tính: Nam

Học hàm, học vị/ Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ Sinh học

Chức danh khoa học: Nghiên cứu viên chính

Chức vụ: Trưởng phòng

Tên tổ chức đang công tác: Viện Nghiên cứu Hải sản

Địa chỉ tổ chức: 224 Lê Lai, Quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng
Địa chỉ nhà riêng: 19/48 Đặng Kim Nở, Quận Lê Chân, Hải Phòng
Điện thoại: CQ: +84 313 826 986; DD: +94 936576 599
Fax: +84 313 836 812; E-mail: havuviet@gmail.com;

4. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ:

Viện Nghiên cứu Hải sản, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn

Địa chỉ: Số 224 Lê Lai, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

Điện thoại: CQ: +84 225 3 836 135

Fax: +84 313 836 812; E-mail: vhs@rimf.org.vn

Tên Thủ trưởng tổ chức chủ trì: Nguyễn Khắc Bát, Viện trưởng

Số tài khoản: 3713, Mã ĐVQHNS: 1055093 tại Kho bạc nhà nước Hải Phòng

5. Tổng kinh phí thực hiện: 3.895 triệu đồng (Ba tỉ tám trăm chín mươi lăm triệu đồng)

Trong đó, kinh phí từ ngân sách SNKH: 3.895 triệu đồng (Ba tỉ tám trăm chín mươi lăm triệu đồng)

Kinh phí từ nguồn khác: 0 triệu đồng.

6. Thời gian thực hiện theo Hợp đồng: 30 tháng

Bắt đầu: 12/2015

Kết thúc: 5/2018

Thời gian thực hiện theo văn bản điều chỉnh của cơ quan có thẩm quyền (nếu có): gia hạn đến 30/5/2019 theo Quyết định số 970/QĐ-BKHHCN ngày 18 tháng 4 năm 2018 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

7. Danh sách thành viên chính thực hiện nhiệm vụ nêu trên gồm:

Số TT	Họ và tên	Chức danh khoa học, học vị	Cơ quan công tác
1.	Vũ Việt Hà	Nghiên cứu viên chính Tiến sĩ Sinh học	Phòng Nghiên cứu Nguồn lợi Hải sản, Viện Nghiên cứu Hải sản
2.	Trần Văn Cường	Nghiên cứu viên Thạc sĩ Sinh học (Nghiên cứu sinh)	Phòng Nghiên cứu Nguồn lợi Hải sản, Viện Nghiên cứu Hải sản
3.	Nguyễn Khắc Bát	Nghiên cứu viên chính Tiến sĩ Sinh học	Viện Nghiên cứu Hải sản
4.	Đỗ Công Thung	Nghiên cứu viên cao cấp Tiến sĩ Sinh học	Viện Tài nguyên và Môi trường biển

Số TT	Họ và tên	Chức danh khoa học, học vị	Cơ quan công tác
5.	Đào Mạnh Sơn	Nghiên cứu viên chính Tiến sĩ Sinh học	Trung tâm nghiên cứu và Chuyên gia công nghệ nguồn lợi, thủy sinh và môi trường
6.	Phạm Quốc Huy	Nghiên cứu viên Tiến sĩ Sinh học	Phòng Nghiên cứu Nguồn lợi Hải sản, Viện Nghiên cứu Hải sản
7.	Từ Hoàng Nhân	Nghiên cứu viên Thạc sĩ Sinh học	Phòng Nghiên cứu Nguồn lợi Hải sản, Viện Nghiên cứu Hải sản
8.	Nguyễn Phi Toàn	Nghiên cứu viên chính Tiến sĩ Khai thác	Phòng Nghiên cứu Công nghệ Khai thác, Viện Nghiên cứu Hải sản
9.	Nguyễn Quốc Tĩnh	Nghiên cứu viên Thạc sĩ Sinh học	Viện Nghiên cứu Hải sản
10.	Nguyễn Hoàng Minh	Nghiên cứu viên Thạc sĩ Sinh học (Nghiên cứu sinh)	Trung tâm Dự báo Khai thác Hải sản, Viện Nghiên cứu Hải sản

II. Nội dung tự đánh giá về kết quả thực hiện nhiệm vụ:

1. Về sản phẩm khoa học:

1.1. Danh mục sản phẩm đã hoàn thành:

Số TT	Tên sản phẩm	Số lượng			Khối lượng			Chất lượng		
		Xuất sắc	Đạt	Không đạt	Xuất sắc	Đạt	Không đạt	Xuất sắc	Đạt	Không đạt
I. Sản phẩm chính theo đặt hàng										
1.	Bộ tiêu chí phân loại vùng biển theo chức năng hệ sinh thái		X			X			X	
2.	Sơ đồ phân bố vùng biển theo chức năng sinh thái phục vụ quản lý nghề cá		X			X			X	
3.	Sơ đồ phân vùng quản lý nghề cá dựa vào hệ sinh thái		X			X			X	
4.	Bộ nguyên tắc và phương thức khai thác ở các		X			X			X	

Số TT	Tên sản phẩm	Số lượng			Khối lượng			Chất lượng		
		Xuất sắc	Đạt	Không đạt	Xuất sắc	Đạt	Không đạt	Xuất sắc	Đạt	Không đạt
	vùng sinh thái									
5.	Bộ giải pháp kiến nghị điều chỉnh chính sách trong quản lý nghề cá biển dựa trên tiếp cận hệ sinh thái		X			X			X	
6.	Báo cáo tổng kết đề tài		X			X			X	
II Các sản phẩm trung gian										
1.	Sản phẩm 1.1.1. Báo cáo khoa học: Cơ sở khoa học cho việc xây dựng bộ tiêu chí phân loại vùng biển theo chức năng hệ sinh thái		X			X			X	
2.	Sản phẩm 2.2.1. Bộ dữ liệu tập hợp theo các nhóm tiêu chí đa dạng sinh học, nguồn lợi hải sản, môi trường và hải dương học cơ bản		X			X			X	
3.	Sản phẩm 2.2.3. Báo cáo kiểm chứng kết quả xây dựng sơ đồ phân bố các vùng biển theo hệ sinh thái		X			X			X	
4.	Bộ số liệu thu thập bổ sung		X			X			X	
5.	Sản phẩm 3.3.1. Bộ số liệu phục vụ nghiên cứu phân vùng quản lý nghề cá		X			X			X	
6.	Sản phẩm 3.3.3. Báo cáo kiểm		X			X			X	

Số TT	Tên sản phẩm	Số lượng			Khối lượng			Chất lượng		
		Xuất sắc	Đạt	Không đạt	Xuất sắc	Đạt	Không đạt	Xuất sắc	Đạt	Không đạt
	chứng kết quả xây dựng sơ đồ phân vùng quản lý nghề cá dựa vào hệ sinh thái									
7.	Bộ số liệu thu thập bổ sung		X			X			X	
8.	Sản phẩm 4.1. Báo cáo khoa học: Đặc điểm đa dạng sinh học, nguồn lợi hải sản và nghề cá ở các phân vùng sinh thái		X			X			X	
9.	Sản phẩm 4.2. Báo cáo khoa học: Đánh giá rủi ro sinh thái của hoạt động nghề cá đến nguồn lợi và hệ sinh thái ở vùng biển Việt Nam		X			X			X	
10.	Sản phẩm 5.1. Báo cáo khoa học: Đánh giá hiện trạng quản lý nghề cá biển Việt Nam		X			X			X	

1.2. Danh mục sản phẩm khoa học dự kiến ứng dụng, chuyển giao (nếu có):

Số TT	Tên sản phẩm	Thời gian dự kiến ứng dụng	Cơ quan dự kiến ứng dụng	Ghi chú
1	Bộ sơ đồ phân bố các vùng biển theo hệ sinh thái phục vụ quản lý nghề cá	Sau khi nghiệm thu	Viện Nghiên cứu Hải sản, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	Sử dụng để đánh giá nguồn lợi, thống kê sản lượng và cường lực khai thác, đánh giá áp lực của hoạt động khai thác lên nguồn lợi hải sản
2	Bộ sơ đồ phân vùng quản lý	Sau khi nghiệm thu	Tổng cục Thủy sản, Bộ Nông	Sử dụng để xây dựng kế hoạch quản lý nghề

Số TT	Tên sản phẩm	Thời gian dự kiến ứng dụng	Cơ quan dự kiến ứng dụng	Ghi chú
	nghe cá dựa vào hệ sinh thái		nghe nghiệp và Phát triển Nông thôn	cá dựa trên tiếp cận hệ sinh thái

1.3. Danh mục sản phẩm khoa học đã được ứng dụng (nếu có):

Số TT	Tên sản phẩm	Thời gian ứng dụng	Tên cơ quan ứng dụng	Ghi chú
1	Chưa có			
2				

2. Về những đóng góp mới của nhiệm vụ:

Với quản lý nghề cá biển ở Việt Nam, những đóng góp nổi bật của đề tài có thể liệt kê như sau:

i) Đề tài đã xây dựng được sơ đồ phân bố các vùng biển theo hệ sinh thái (có thể gọi là các phân vùng sinh thái). Đây là kết quả có ý nghĩa quan trọng trong việc áp dụng vào công tác điều tra đánh giá nguồn lợi, thống kê sản lượng khai thác và xác định cường lực khai thác đối với phạm vi không gian nhỏ. Trước đây, việc đánh giá nguồn lợi, sản lượng và cường lực khai thác được áp dụng trên toàn vùng biển nên mặc dù xác định được cường lực khai thác vượt ngưỡng cho phép nhưng việc cắt giảm cường lực khai thác khó thực hiện do không xác định được hoạt động khai thác quá mức ở khu vực nào. Kết quả nghiên cứu của đề tài đã xác định được 15 phân vùng sinh thái ở vùng biển Việt Nam. Khi sử dụng kết quả nghiên cứu này vào việc đánh giá nguồn lợi, sản lượng và cường lực khai thác sẽ xác định được áp lực khai thác ở từng phạm vi phân vùng sinh thái, từ đó việc điều chỉnh cường lực khai thác giữa các khu vực được thực hiện linh hoạt theo hiện trạng nguồn lợi.

ii) Đề tài đã xác định được 3 phân vùng quản lý nghề cá phù hợp với đặc điểm đa dạng sinh học và nguồn lợi hải sản ở vùng biển Việt Nam theo từng mục tiêu của quản lý nghề cá dựa trên tiếp cận hệ sinh thái. Kết quả này là cơ sở khoa học để từng bước áp dụng tiếp cận hệ sinh thái vào quản lý nghề cá ở nước ta.

iii) Đề tài đã đề xuất điều chỉnh phương thức khai thác phù hợp và những giải pháp cần điều chỉnh để có thể áp dụng tiếp cận hệ sinh thái trong quản lý nghề cá biển Việt Nam. Những điều chỉnh đó là cần thiết, không những đảm bảo có thể áp dụng tiếp cận quản lý dựa trên hệ sinh thái vào thực tiễn mà còn đảm bảo việc có thể truy xuất nguồn gốc sản phẩm hải sản khai thác.

iv) Đề tài đã đưa ra các bước thực hiện quản lý nghề cá dựa trên tiếp cận hệ sinh thái, từ việc xây dựng kế hoạch quản lý đến kế hoạch hành động và chiến lược khai thác. Kết quả này có thể xem là hướng dẫn thực hiện quản lý nghề cá dựa trên tiếp cận hệ sinh thái. Sản phẩm này có thể biên soạn và xuất bản dưới dạng "Sổ thay hướng dẫn thực hành", giúp cơ quan quản lý và các bên

liên quan áp dụng trong việc thực hành quản lý nghề cá dựa trên tiếp cận hệ sinh thái trong thực tiễn.

3. Về hiệu quả của nhiệm vụ:

3.1. Hiệu quả kinh tế

Hiện nay, xuất khẩu thủy sản vào các thị trường lớn như châu Âu, Mỹ, Nhật Bản phải tuân thủ những quy định rất nghiêm ngặt, đặc biệt là vấn đề truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Các sản phẩm thủy sản xuất khẩu chủ đạo của nước ta như: cá ngừ đại dương, tôm, ghẹ xanh sang các thị trường nói trên đang vướng phải một loạt các rào cản thương mại, trong đó vấn đề khai thác bền vững là một trong những rào cản lớn nhất, làm cho sức cạnh tranh của các sản phẩm thủy sản nước ta yếu so với các nước trong khu vực. Rào cản thương mại này sẽ được xóa bỏ nếu chứng minh được rằng các sản phẩm đó được khai thác bền vững và nghề cá được quản lý hiệu quả.

Tiếp cận hệ sinh thái trong quản lý nghề cá biển đảm bảo các vấn đề nêu trên sẽ được giải quyết khi kế hoạch quản lý nghề cá được xây dựng và triển khai áp dụng trong thực tiễn.

3.2. Hiệu quả xã hội

Quản lý nghề cá biển dựa trên tiếp cận hệ sinh thái là tiếp cận quản lý tổng hợp với các mục tiêu quản lý đảm bảo hài hoà giữa mục tiêu về môi trường, mục tiêu về kinh tế và mục tiêu về xã hội được đặt trong hệ thống quản trị tốt. Khi nghề cá biển được quản lý theo tiếp cận hệ sinh thái, mục tiêu môi trường được thực hiện sẽ đảm bảo cho các loài hải sản là đối tượng khai thác chính được quản lý bền vững, giảm thiểu khai thác không chủ ý và giảm thiểu tác động của hoạt động khai thác đến sinh cảnh và hệ sinh thái. Khi nguồn lợi được khai thác bền vững thì sinh kế của người dân sống phụ thuộc vào nghề cá được đảm bảo và các vấn đề kinh tế xã hội nghề cá sẽ được giải quyết. Mục tiêu xã hội đảo bảo hài hoà giữa sinh kế của người dân sống phụ thuộc nghề cá với vấn đề bảo vệ nguồn lợi, bảo vệ các loài sinh vật quý hiếm và quản lý hoạt động khai thác. Khi gắn kết người dân vào công tác quản lý nghề cá thì hiệu quả quản lý sẽ được nâng cao và sự đồng thuận giữa cơ quan quản lý và người dân được đảm bảo. Kết quả nghiên cứu của đề tài mở ra tiếp cận mới trong quản lý nghề cá biển theo hướng thân thiện với môi trường từ đó duy trì sự cân bằng sinh thái đồng thời bảo vệ nguồn lợi, đa dạng sinh học và phát triển nghề cá bền vững.

III. Tự đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ

1. Về tiến độ thực hiện: (đánh dấu ✓ vào ô tương ứng):

- Nộp hồ sơ đúng hạn
- Nộp chậm từ trên 30 ngày đến 06 tháng
- Nộp hồ sơ chậm trên 06 tháng

2. Về kết quả thực hiện nhiệm vụ:

- Xuất sắc

- Đạt

- Không đạt

Giải thích lý do:.....

Cam đoan nội dung của Báo cáo là trung thực; Chủ nhiệm và các thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ không sử dụng kết quả nghiên cứu của người khác trái với quy định của pháp luật.

CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ



Vũ Việt Hà

**THỦ TRƯỞNG
TỔ CHỨC CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ**



Nguyễn Khắc Bát